

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày 12-02-2018
Vv tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.
2. Bà Trần Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2018/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần A, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị Thu S quen biết nhau vì cùng địa phương. Vào

thời gian nào bà không nhớ, bà có cho vợ chồng bà S, ông A mượn 579.000.000 đồng. Khoản năm 2014, vợ chồng bà S, ông A có bán một lô đất cho bà với số tiền 270.000.000 đồng để trừ nợ nên số nợ còn lại là 309.000.000 đồng. Lúc này bà S có cam kết mỗi tháng sẽ trả cho bà 2.000.000 đồng. Sau đó bà S trả cho bà nhiều lần với tổng số tiền là 41.000.000 đồng và còn nợ lại 268.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà S trả tiền nhưng vợ chồng bà không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà S, ông A trả cho bà 268.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Bà S xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng nhưng bà không đồng ý.

Theo bản tự khai ngày 13 tháng 11 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày: Giữa bà và bà Nguyễn Thị P có quan hệ chơi huê, hụi trong đó bà là người cầm cái. Số tiền mà bà Nguyễn Thị P trình bày là tiền bà P đầu tư cho bà để chơi huê hụi. Bà thống nhất đến năm 2014, bà có viết giấy nợ của bà P số tiền 309.000.000 đồng và sau đó nhiều lần bà trả tiền cho bà P nhưng không nhớ đã trả được số tiền bao nhiêu. Lần cuối cùng bà trả nợ cho bà P là vào khoản cuối tháng 6 năm 2017 âm lịch nhưng bà P không nhận. Nay bà P yêu cầu bà trả số tiền 268.000.000 đồng bà đồng ý trả số tiền này nhưng xin trả nợ dần hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng vì hiện nay kinh tế gia đình bà rất khó khăn, các chân huê chưa trả tiền cho bà.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần A không tuân thủ các quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thu S và bà Nguyễn Thị P thống nhất khoản nợ mà bà P yêu cầu Tòa án giải quyết là khoản tiền bà S vay để giải quyết việc chơi huê hụi. Mặc dù vay từ năm 2014 nhưng nghĩa vụ trả nợ vi phạm vào tháng 7 năm 2017 âm lịch. Như vậy vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà S cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt lập lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần A vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của bà Nguyễn Thị P, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Nguyễn Thị Thu S thống nhất thừa nhận đến nay bà còn nợ của bà P số tiền 268.000.000 đồng. Tuy bà S cho rằng chồng bà là ông Trần A không liên quan gì đến khoản vay này nhưng rõ ràng việc chơi huê, hụi của bà S, ông A đều biết. Nguồn thu nhập từ việc chơi huê hụi này dùng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình nên nghĩa vụ phát sinh đều phải do vợ chồng cùng chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà S xin được trả nợ dần mỗi tháng 1.500.000 đồng nhưng không được bà P đồng ý. Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 469, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015, buộc vợ chồng bà S, ông A phải có nghĩa vụ thanh toán một lần cho bà P số tiền là 268.000.000 đồng. Bà P không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu S, ông Trần A phải chịu 268.000.000 đồng x 5% = 13.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của bà P được chấp nhận nên bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 429, 463, 466, khoản 1 Điều 469, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu S, ông Trần A phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 268.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu S, ông Trần A phải chịu 13.400.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị P 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007007 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiệp